

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-PT
Ngày 12 tháng 5 năm 2021
“Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân sơ thẩm số: 48/2020/HNGĐ-ST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 802/2021/QĐPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lý Minh V (Ly V), sinh năm 1973;

Địa chỉ: 165 Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Minh V: Ông Phạm Hữu P, sinh năm 1968 (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/10/2020).

Địa chỉ: Số 4T, phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đoàn Công T - Văn phòng luật sư Đoàn Công T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Đào Xuân Y, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 165 Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Văn T - Văn phòng luật sư Võ Văn T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Đào Văn L, sinh năm: 1941 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Lô 3, căn 10 đường Trần Qunag K, phường H, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1948, xin vắng mặt.

3.3. Ông Đào Xuân B, sinh năm: 1976, xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 165 Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

4. *Người kháng cáo:* Ông Lý Minh V (Ly V) là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại các đơn khởi kiện ngày 29/6/2017 nguyên đơn ông Lý Minh V trình bày:* Ông Lý Minh V và bà Đào Xuân Y chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/4/2013. Đến năm 2016 được Tòa án nhân dân thành phố G giải quyết chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đào Xuân Y được ly hôn với ông V nhưng chưa giải quyết phần tài sản chung. Ông V khai trong thời gian sống chung vợ chồng có tạo lập được các tài sản là 04 thửa đất gồm: Thửa đất E16-3; thửa đất E16-4; thửa đất E16-5, thửa đất E16-6 loại đất ở đô thị được Ủy ban nhân dân thành phố G (sau đây viết tắt là UBND thành phố G) tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/5/2015 cho bà Đào Xuân Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông V yêu cầu bà Y chia giá trị tài sản là 04 thửa đất nêu trên và nhà kho xây dựng trên đất. Ông V yêu cầu chia đôi tài sản chung tổng cộng khoảng 5 tỷ đồng.

Ngày 02/7/2019 ông V khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung là giá trị căn nhà và quyền sử dụng đất tại lô L6 – 27 Đồng Đa, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang tại nhà số 165, đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang được UBND thành phố G cấp ngày 21/4/2015 cho Đào Xuân Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu chia giá trị tài sản là cơ sở kinh doanh mua bán ngư lưới cụ Đào Xuân Y, tại số 165, đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang do bà Đào Xuân Y đứng gồm: 01 xe tải chở hàng 1,2 tấn Hyundai mang biển số 68C.05955, đứng tên sở hữu Đào Xuân Y và hàng hóa ngư lưới cụ gồm: 4.000kg lưới pho x 100.000đồng/kg; 5.000kg lưới con gà x 120.000đồng/kg; 3.000kg lưới con kết x 100.000 đồng/kg; 10.000kg dây con gà x 120.000đồng/kg; 4.000kg dây con cá x 90.000đồng/kg; 2.000kg dây kỳ lân x 90.000đồng/kg; 4.000kg chì gan x 200.000 đồng/kg; 4.000kg tối sắt x 100.000đồng/kg; 3.000kg tối inox x 120.000 đồng/kg, tổng cộng giá trị ngư lưới cụ nêu trên khoảng 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng).

Ngày 09/3/2020 ông V khởi kiện bổ sung yêu cầu chia giá trị xe tải chở hàng ngư lưới cụ hiệu Mitsubichi trong tải 03 tấn, không nhớ biển số, đứng tên sở hữu Đào Xuân Y trị giá 500.000.000 đồng.

Ngày 30/3/2020 ông V khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Y chia đôi số tiền tiết kiệm 23.000.000.000 đồng (Hai mươi ba tỷ đồng) do bà Đào Xuân Y gửi tại các Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chi nhánh Kiên Giang, Ngân TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Kiên Giang, Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Kiên Giang, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Kiên Giang, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Kiên

Giang. Bà Y có trách nhiệm chia cho ông số tiền gửi tiết kiệm là 11.500.000.000 đồng (Mười một tỷ năm trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông V rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đòi chia tài sản là giá trị căn nhà và đất tại lô L6 – 27 27 tại căn nhà số 165, đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang và quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đứng tên bà Đào Xuân Y số: BY645244, được UBND thành phố G cấp ngày 21/4/2015; tài sản là 01 xe tải chở hàng ngư lưới cụ hiệu Mitsubichi trọng tải 03 tấn không nhớ biển số và 01 xe tải 01 xe tải chở hàng trọng tải 1,2 tấn hiệu Hyundai mang biển số 68C.05955; Các khoản tiền tiết kiệm như sau: Rút 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Kiên Giang; 14.900.000.000 đồng (Mười bốn tỷ chín trăm triệu đồng) gửi tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chi nhánh Kiên Giang; 1.070.000.000 đồng (Một không trăm bảy mươi triệu đồng) gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Kiên Giang, 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Kiên Giang.

Ông V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia đôi số tài sản gồm: Hàng hóa trong cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ tại địa chỉ 165 đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang có giá trị 4.000.000.000 đồng; 04 thửa đất đường C, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang trị giá 8.544.126.000 đồng; Tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng là 3.630.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng).

- *Bị đơn bà Đào Xuân Y trình bày:* Bà Y và ông V kết hôn vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bản thân bà Y cũng cố gắng duy trì hôn nhân nên nhiều lần tạo cơ hội hàn gắn những mâu thuẫn càng trầm trọng. Nên bà Y và ông V có lập văn bản thuận tình ly hôn ngày 30/12/2015, trong đó nêu rõ nội dung “Không có tài sản chung”. Đến tháng 8 năm 2016 bà Y gửi đơn xin ly hôn. Trong đơn bà cũng trình bày rõ giữa bà và ông V không có tài sản chung, con chung và nợ chung; do ông V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt nên Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang xét xử vắng mặt ông V và ông V cũng không kháng cáo.

Nay bà Y không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông V về việc chia tài sản chung vì các tài sản đều là của cha mẹ bà là ông Đào Văn L và bà Nguyễn Thị L vì: Cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ của ông L và bà L đã kinh doanh từ năm 1997, bà và các anh em trong gia đình cùng nhau phụ giúp cha mẹ quản lý việc kinh doanh; do cha mẹ bà lớn tuổi nên chị em bà Y thay phiên nhau quản lý và đứng tên trên giấy phép kinh doanh để thuận tiện cho việc thực hiện giao dịch cũng như thanh toán thuê. Ông V cho rằng có đưa tiền cho bà Y để mua lại cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ của cha mẹ bà là hoàn toàn không có cơ sở; Đối với bốn thửa đất và nhà xây trên đất tại đường C do cha mẹ bà mua lại của vợ chồng Lưu Văn N và bà Lê Kim H với tổng giá trị là 2.000.000.000 đồng. Do ông N, bà H có nợ của ông L và bà H khoản tiền mua ngư lưới cụ là 600.000.000 đồng nên hai bên thỏa thuận cân trừ, còn lại 1.400.000.000 đồng cha mẹ bà Y đưa cho bà Y thanh toán cho ông N, bà H, đồng thời cha mẹ bà để bà ký hợp đồng chuyển nhượng và đứng tên quyền sử dụng đất. Ông V cho rằng đã vay 1.000.000.000 đồng để trả tiền nhận chuyển nhượng đất của ông N, bà H là không đúng vì khoản tiền vay này bà Y vay nhằm mục đích

bổ sung vốn lưu động của cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ. Còn các khoản tiền gửi tiết kiệm trong Ngân hàng mà ông V yêu cầu chia là các khoản tiền vốn lưu động trong quá trình kinh doanh, khi khách hàng trả tiền nhưng chưa tới kỳ thanh toán cho các Công ty ngư lưới cụ cung cấp hàng hóa cho gia đình bà Y, thì bà Y đem gửi Ngân hàng, đến kỳ trả tiền cho Công ty thì bà rút ra thanh toán; do đó, các khoản tiền tiết kiệm mà ông V yêu cầu chia thực tế đã được bà Y rút ra trả nợ hết, không còn gửi trong Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn L, bà Nguyễn Thị L và các lời khai của người đại diện hợp pháp của ông L và bà L có ông Đào Văn H đại diện theo ủy quyền trình bày: Cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ do gia đình ông L, bà L kinh doanh từ năm 1997 do bà Nguyễn Thị L đứng tên cơ sở kinh doanh. Các con của ông bà là Đào Xuân B, Đào Xuân Y phụ giúp gia đình cùng quản lý cơ sở kinh doanh. Ông L, bà L không có bán lại cơ sở kinh doanh cho ông V, bà Y như lời khai của ông V.

Do ông L, bà L lớn tuổi, nên để cho anh Đào Xuân B, chị Đào Xuân Y thay phiên nhau đứng tên cơ sở kinh doanh; Năm 2015 ông L, bà L có mở thêm cơ sở kinh doanh phụ tùng xe máy bên đường Trần Phú, phường T Vân nên ông L, bà L giao cho chị Yến đứng tên cơ sở ngư lưới để chị Yến trực tiếp quản lý, giao dịch thuế, còn anh B quản lý cửa hàng phụ tùng xe.

Đối với 4 lô đất và nhà kho tại đường C, phường L là của ông L và bà L mua lại của vợ chồng ông Lưu Văn N, bà Lê Kim H với giá 2.000.000.000 đồng do trừ 600.000.000 đồng mà ông N, bà H nợ tiền ngư lưới cụ, còn lại 1.400.000.000 đồng ông L và bà L đã đưa tiền cho bà Y trực tiếp trả cho vợ chồng ông N để ký kết hợp đồng; ông L và bà L để cho bà Y đứng tên quyền sử dụng đất thay cho vợ chồng ông L, bà L; khoản tiền 1.400.000.000 đồng ông L, bà L đưa cho bà Y trả cho ông N, bà H là tiền gia đình ông L, bà L tích góp được trong quá trình kinh doanh ngư lưới cụ nhiều năm mà có được.

Đối với các khoản bà Y tiền gửi Ngân hàng là tiền vốn lưu động trong quá trình hoạt động của cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ.

Ông L và bà L không đồng ý đối với yêu cầu chia tài sản của ông V vì các tài sản ông V yêu cầu chia là tài sản của vợ chồng ông L và bà L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Xuân B có anh Đào Văn H đại diện theo ủy quyền của trình bày: Cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ tại địa chỉ 165 Đ, phường Vĩnh, thành phố G, Kiên Giang mà ông Lý Minh V yêu cầu chia là của cha mẹ anh là ông Đào Văn L, bà Nguyễn Thị L tạo dựng kinh doanh từ năm 1997 cho đến nay.

Anh B cùng các anh chị em trong gia đình đều giúp cha mẹ quản lý, kinh doanh, nên có thời điểm bà L là mẹ anh đứng tên trên giấy phép kinh doanh, có thời điểm anh B đứng tên giấy phép kinh doanh, có thời điểm bà Y đứng tên; tuy nhiên, tài sản vẫn thuộc quyền sở hữu của ông L và bà L. Việc ông V cho rằng ông V có đưa tiền cho bà Y mua lại cơ sở kinh doanh của gia đình anh là hoàn toàn không có căn cứ. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông V.

- *Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2020/HNGĐ-ST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã Quyết định:*

Căn cứ khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 68, Điều 77, Điều 91, Điều 92, Điều 165 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Minh V (Ly V) về việc yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn với bị đơn bà Đào Xuân Y gồm:

- Hàng hóa trong cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ tại địa chỉ 165, đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang có giá trị 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng).

- 04 thửa đất tại các lô E16-3, E16-4, E16-5 và E16-6 đường C, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang bà Đào Xuân Y được UBND thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/5/2015.

- Tiền do bà Y gửi tiết kiệm tại các ngân hàng: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) gửi tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chi nhánh Kiên Giang, 930.000.000 đồng (chín trăm ba mươi triệu đồng) gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Kiên Giang, 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Kiên Giang và 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Kiên Giang.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Minh V đối với các tài sản được rút gồm: Giá trị căn nhà và đất tại lô L6 - 27 tại căn nhà số 165, đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đứng tên bà Đào Xuân Y số: BY645244, được UBND thành phố G cấp ngày 21/4/2015; 01(một) xe tải hiệu Mitsubishi trọng tải 03 tấn , biển số 68H - 6769 và 01 (một) xe tải 01 xe tải trọng tải 1,2 tấn hiệu Hyundai, biển số 68C.05955; số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) bà Y gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Kiên Giang số tiền 14.900.000.000 đồng (mười bốn tỷ chín trăm triệu đồng) bà Y gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chi nhánh Kiên Giang, số tiền 1.070.000.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi triệu đồng) bà Y gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Kiên Giang, số tiền 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng) bà Y gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Kiên Giang; về chi phí định giá; về án phí dân sự sơ thẩm; về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 08/12/2020, nguyên đơn ông Lý Minh V (Ly V) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lý Minh V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Lý Minh V (Ly V) có ông Phạm Hữu P làm đại diện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Y chia đôi tài sản chung gồm: Hàng hóa trong cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ tại địa chỉ 165, đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang có giá trị 4.000.000.000 đồng; 04 thửa đất đường C, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang trị giá 8.544.126.000 đồng; số tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng là 3.630.000.000 đồng (ba tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng).

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông V có ý kiến: Tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng. Bị đơn cho rằng đứng tên dùm cho cha mẹ là không thể chấp nhận. Do bị đơn không chứng minh được tài sản riêng thì được xác định là tài sản chung. Vì lẽ đó đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn bà Y đồng ý với nội dung án sơ thẩm đã tuyên. Yêu cầu bác đơn kháng cáo của ông V và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà Y có ý kiến: Nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh là tài sản chung. Vì toàn bộ tài sản do bà Y đứng tên cá nhân. Ngoài ra cơ sở pháp lý vợ chồng không có tài sản chung đó là giấy thuận tình ly hôn do ông V và bà Y ký ngày 30/12/2015 xác định không có tài sản chung, khi Tòa án giải quyết cho bà Y được ly hôn với ông V không kháng cáo bản án của Tòa án đã xử. Ông V cũng thừa nhận toàn bộ cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ là của ông L, bà L. Ông V không chứng minh được việc ông V đã đưa tiền cho bà Y mua lại hàng hóa kinh doanh ngư lưới cụ. Đối với số tiền gửi tiết kiệm là số tiền lưu động trong quá trình kinh doanh ngư lưới cụ do bà Y gửi vào và rút ra để thanh toán tiền hàng. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là do vợ chồng ông L và bà L trừ số nợ do vợ chồng ông N bà H thiếu nợ, số tiền còn lại là của vợ chồng ông L, bà L. Do đó đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của ông V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L, bà L, anh B có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của nguyên đơn hợp lệ đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu của nguyên đơn ông V là có căn cứ. Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lý Minh V làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản xin vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Lý Minh V và bà Đào Xuân Y kết hôn năm 2013. Tại bản án số 70/2016/HNGĐ-ST ngày 21/10/2016 Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang đã xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Y, cho bà Y được ly hôn với ông Lý Minh V. Bản án đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lý Minh V có ông Phạm Hữu P làm đại diện, yêu cầu Tòa án cấp phúc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Y chia đôi tài sản chung gồm: Hàng hóa trong cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ tại địa chỉ 165, đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang có giá trị 4.000.000.000 đồng; 04 Bón thửa đất đường C, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang trị giá 8.544.126.000 đồng; Tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng là 3.630.000.000 đồng (ba tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Đối với tài sản là hàng hóa trong cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ tại địa chỉ số 165 đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang: Nguyên đơn ông V thừa nhận toàn bộ cơ sở kinh doanh và hàng hóa ngư lưới cụ có nguồn gốc là của ông Đào Văn L và bà Nguyễn Thị L.

Ông V khai sau khi kết hôn ngày 24/4/2013, ông V về sống chung với bà Y tại cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ tại địa chỉ số 165 đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Đến đầu năm 2015 ông V đưa cho bà Y số tiền 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng) để mua lại hàng hóa ngư lưới cụ tại cơ sở của ông L và bà L. Bị đơn bà Y không thừa nhận có nhận tiền của ông V để mua lại hàng hóa ngư lưới cụ của cha mẹ bà Y. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L, bà L cũng không thừa nhận việc chuyển nhượng hàng hóa ngư lưới cụ kinh doanh tại địa chỉ số 165 đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cho vợ chồng ông V, bà Y.

Xét thấy cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ do bà L đứng tên hộ kinh doanh cá thể. Đến đầu năm 2015 ông L khai do mở thêm cửa hàng bán phụ tùng xe nên ngày 17/3/2015 vợ chồng ông L giao lại cho con là bà Y đứng tên đăng ký kinh doanh cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ tại địa chỉ số 165 đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang vì vậy bà Đào Xuân Y đứng tên đại diện hộ kinh doanh. Trên thực tế vẫn thuộc quyền sở hữu của ông L và bà L và bà Y chỉ đại diện hộ đứng tên đăng ký kinh doanh.

Về nguồn tiền 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng) để mua lại hàng hóa ngư lưới cụ nêu trên của ông L và bà L: Ông V khai là do ông chuyển từ Canada về cho bà Y nhận tiền vào năm 2015 nhưng ông V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc chuyển tiền từ nước ngoài về cho bà Y để mua lại hàng hóa ngư lưới cụ trong cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ tại địa chỉ số 165 đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang của ông L và bà L. Trong khi bà L, ông L không thừa nhận việc chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông V.

Do đó không có cơ sở xác định hàng hóa ngư lưới cụ trong cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ tại địa chỉ số 165 đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang là tài sản chung của vợ chồng ông V, bà Y tạo ra trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông V đòi bà Y chia $\frac{1}{2}$ giá trị hàng hóa ngư lưới cụ trong cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ tại địa chỉ số 165 đường Đ phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang do bà Đào Xuân Y đứng tên đăng ký kinh doanh là có căn cứ.

[4.2] Đối với các khoản tiền do bà Y gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng: Ông V khai các khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chi nhánh Kiên Giang 100.000.000 đồng; tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Kiên Giang 930.000.000 đồng; tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Kiên Giang 600.000.000 đồng và tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín 2.000.000.000 đồng, tổng cộng là 3.630.000.000 đồng.

Ông V cho rằng đó là khoản tiền lợi nhuận trong quá trình kinh doanh ngư lưới cụ tại địa chỉ số 165 đường Đ từ năm 2013 đến năm 2016 do bà Y đã gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nên ông yêu cầu chia đôi. Xét thấy cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ của hộ gia đình ông L và bà L do bà L đứng tên đăng ký kinh doanh. Đến ngày 17/3/2015 ông L và bà L giao lại cho bà Y đại diện hộ đăng ký kinh doanh. Nhưng ông V yêu cầu chia khoản tiền lợi nhuận thu được từ năm 2013 đến năm 2016 do bà Y gửi tiết kiệm tại Ngân hàng là chưa có căn cứ. Mặt khác bà Y cho rằng trong quá trình mua bán ngư lưới cụ thì bà có đem gửi tiền bán hàng gửi tại Ngân hàng, khi thanh toán tiền mua hàng thì bà rút tiền tại ngân hàng để thanh toán. Do đó số tiền gửi tại ngân hàng là vốn lưu động nên được rút ra để mua hàng hóa kinh doanh chứ không hoàn toàn là tiền lợi nhuận thu được từ việc kinh doanh.

Do yêu cầu của ông V đòi bà Y chia $\frac{1}{2}$ giá trị hàng hóa ngư lưới cụ trong cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ tại địa chỉ số 165 đường Đ phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang không được chấp nhận nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông V đòi chia số tiền lợi nhuận trong quá trình kinh doanh ngư lưới cụ tại địa chỉ số 165 đường Đ từ năm 2013 đến năm 2016 do bà Y đứng tên gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng. Nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông V là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4.3] Đối với 04 thửa đất tại đường C và nhà kho xây dựng trên đất cụ thể gồm: Thửa đất E16-3, diện tích 150m²; thửa đất E16-4, diện tích 150m²; thửa đất E16-5, diện tích 150m²; thửa đất E16-6, diện tích 150m²; loại đất ở đô thị; tọa lạc tại: Lô E16-3, Lô E16-4, Lô E16-5, Lô E16-6, đường C, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang được UBND thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Đào Xuân Y đứng tên ngày 20/5/2015, xét thấy:

Về nguồn gốc 04 thửa đất E16-3; thửa đất E16-4; thửa đất E16-4; thửa đất E16-5 là của vợ chồng ông Lưu Văn N, bà Lê Kim H. Ngày 21/4/2015 bà H, ông N lập hợp đồng chuyển nhượng cho bà Đào Xuân Y được chứng thực tại Văn phòng Công chứng G(BL số 10-11).

Ông V xác định khoản tiền chuyển nhượng 04 thửa đất và nhà kho nêu trên là do vợ chồng ông vay tại ngân hàng 1.000.000.000 đồng và số tiền còn lại

1.000.000.000 đồng là khoản lợi nhuận của cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ. Khi trả tiền cho ông N, bà H thì do bà Y trả tiền.

Bà Y cho rằng nguồn tiền chuyển nhượng các thửa đất là của ông L, bà L nhưng cha mẹ bà để cho bà đứng tên nhận chuyển nhượng đất.

Ông L và bà L đều khẳng định nguồn tiền mua đất là của ông L và bà L trong đó có khoản tiền 600.000.000 đồng được trừ từ khoản tiền nợ do vợ chồng ông N, bà H nợ tiền mua vật tư ngư lưới cụ.

Tại hợp đồng tín dụng ngày 07/5/2015 bà Y đứng tên vay tại hợp đồng tín dụng số 101150024-HĐTD-HM để vay số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, và tài sản thế chấp để bảo đảm tiền vay là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại lô L6 - 27 địa chỉ số 165, đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Như vậy có căn cứ xác định việc chuyển nhượng thửa đất E16-3; thửa đất E16-4; thửa đất E16-4; thửa đất E16-5 được thực hiện trước ngày bà Y lập hợp đồng tín dụng vay tiền tại Ngân hàng. Cho nên lời khai của ông V cho rằng bà Y và ông V vay tiền để chuyển nhượng đất của ông N, bà H là chưa có căn cứ. Hơn nữa tại biên bản đối chất ngày 20/9/2019 (Bút lục số 212-213) vợ chồng ông Nhật, bà H xác nhận “việc chuyển nhượng 04 thửa đất và nhà kho nêu trên cho vợ chồng ông L, bà L để trừ tiền nợ do vợ chồng ông N, bà H mua ngư lưới cụ còn nợ của gia đình ông L, bà L số tiền 600.000.000 đồng. Số tiền còn lại là do bà Y đem đến Ngân hàng trả 1.000.000.000 đồng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do ông Nhật và bà H đang thế chấp), còn lại 400.000.000 đồng bà Y trả tại Phòng công chứng khi hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông N và bà H hoàn toàn không biết ông V”. Ông V khai khi sang nhượng đất vợ chồng ông có vay số tiền 1.000.000.000 đồng tại Ngân hàng để trả tiền chuyển nhượng đất cho ông N, bà H. Khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Y với ông N, bà H lập ngày 21/4/2015 thì ông V không có mặt. Bà Y khai số tiền 1.000.000.000 đồng vay tại ngân hàng để làm vốn kinh doanh mua hàng hóa. Việc chuyển nhượng đất là do trừ khoản tiền ông N và bà H nợ tiền mua ngư lưới cụ, số tiền còn lại của ông L và bà L.

Tại khoản 1 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng”. Tại khoản 1 Điều 34 quy định “Trong trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng phải ghi tên cả hai vợ chồng, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác”. Xét giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp cho bà Đào Xuân Y đứng tên. Ông V cho rằng ông có thỏa thuận cho bà Y đứng tên cá nhân nhưng ông không có chứng cứ để chứng minh việc thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng do bà Y đứng tên cá nhân. Tại khoản 1 Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Quyền sử dụng đất là tài sản riêng của bên nào thì ly hôn vẫn thuộc về bên đó".

Vì vậy Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông V đòi bà Y chia đôi 04 thửa đất tại đường C và nhà kho xây dựng trên đất cụ thể gồm: Thửa đất E16-3, diện tích 150m²; thửa đất E16-4, diện tích 150m²; thửa đất E16-5, diện tích 150m²; thửa đất E16-6, diện tích 150m²; loại đất ở đô thị; tọa lạc tại: Lô E16-3, Lô E16-4, Lô E16-5, Lô E16-6, đường C, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang được UBND thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Đào Xuân Y đứng tên ngày 20/5/2015 là có căn cứ.

[4.4] Mặt khác, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa phúc thẩm ông V thừa nhận ông có ký tên trong văn bản “Thuận tình ly hôn” lập ngày 30/12/2015 (Bút lục số 334). Xét thấy tại văn bản thuận tình ly hôn ngày 30/12/2015 ông V và bà Y xác định “Không có tài sản chung”. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của ông V cho rằng khi ông V ký tên vào văn bản thuận tình ly hôn ngày 30/12/2015 trong tình trạng ông V bị say rượu nên ông không có xem kỹ nội dung văn bản. Xét lời nại ra của nguyên đơn là chưa có căn cứ để chấp nhận nhận bởi vì sau khi lập văn bản thuận tình ly hôn, ông V cũng không có ý kiến phản đối về nội dung đã ghi trong văn bản thuận tình ly hôn. Căn cứ vào văn bản thuận tình ly hôn lập ngày 30/12/2015 bà Y đã gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án thành phố G, tỉnh Kiên Giang và bà Y đã trình bày không có tài sản chung, không có con chung. Ông V đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án theo đơn xin ly hôn của bà Y, thông báo về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử nhưng ông V đều không có ý kiến về việc xác định tài sản chung của vợ chồng. Tòa án thành phố G, tỉnh Kiên Giang đã tiến hành xét xử vắng mặt ông V và cho bà Y được ly hôn với ông V, về con chung, tài sản chung: không có. Bản án số 70/2016/HNGĐ-ST ngày 21/10/2016 Tòa án thành phố G, tỉnh Kiên Giang đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

[5] Từ những nhận định trên, Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông V về việc đòi bà Y chia tài sản chung gồm: Hàng hóa ngư lưới trong cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ tại địa chỉ số 165 đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang có giá trị 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng); Các thửa đất đất E16-3, diện tích 150m²; thửa đất E16-4, diện tích 150m²; loại đất ở đô thị; thửa đất E16-5, diện tích 150m²; thửa đất E16-6, diện tích 150m²; loại đất ở đô thị; tọa lạc tại: Lô E16-3, Lô E16-4, Lô E16-5, Lô E16-6, đường C, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang do UBND thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 20/5/2015 do bà Đào Xuân Y đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Số tiền gửi tiết kiệm do bà Đào Xuân Y đứng tên gửi tiết kiệm gồm: số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) gửi tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chi nhánh Kiên Giang; số tiền 930.000.000 đồng (chín trăm ba mươi triệu đồng) gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Kiên Giang; số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Kiên Giang và số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Kiên Giang.

Xét ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn chưa phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

Xét ý kiến của Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông V không được chấp nhận nên ông V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các Quyết định khác của án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết vụ án đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Minh V đối với các tài sản được rút gồm: Giá trị căn nhà và đất tại lô L6 - 27 Đồng Đa, phường L, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (tức là nhà số 165, đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang); quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đứng tên bà Đào Xuân Y số: BY645244, được UBND thành phố G cấp ngày 21/4/2015; 01 (một) xe tải hiệu Mitsubishi trọng tải 03 tấn, biển số 68H - 6769 và 01 (một) xe tải 01 xe tải trọng tải 1,2 tấn hiệu Hyundai, biển số 68C.05955; số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) bà Y gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Kiên Giang số tiền 14.900.000.000 đồng (mười bốn tỷ chín trăm triệu đồng) bà Y gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chi nhánh Kiên Giang, số tiền 1.070.000.000 đồng (một tỷ lẻ bảy mươi triệu đồng) bà Y gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Kiên Giang, số tiền 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng) bà Y gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Kiên Giang; về chi phí định giá; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lý Minh V (Lu Vu). Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 48/2020/HNGĐ-ST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

2. Áp dụng các Điều 33, 34, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Minh V (Ly V) về việc yêu cầu bà Đào Xuân Y chia tài sản chung sau ly hôn gồm:

2.1. Hàng hóa ngư lưới cụ trong cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ tại địa chỉ số 165 đường Đ phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang có giá trị 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng).

2.2. Các thửa đất đất E16-3, diện tích 150m²; thửa đất E16-4, diện tích 150m²; loại đất ở đô thị; thửa đất E16-5, diện tích 150m²; thửa đất E16-6, diện tích 150m²; loại đất ở đô thị; tọa lạc tại: Lô E16-3, Lô E16-4, Lô E16-5, Lô E16-6, đường C, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang do UBND thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 20/5/2015 cho Đào Xuân Y đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.3. Số tiền gửi tiết kiệm do Đào Xuân Y đứng tên gửi tiết kiệm gồm: số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) gửi tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chi nhánh Kiên Giang; số tiền 930.000.000 đồng (chín trăm ba mươi triệu đồng) gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Kiên Giang; số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Kiên Giang và số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Kiên Giang.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý Minh V phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0009487 ngày 08/12/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang, ông Lý Minh V đã nộp đủ.

4. Các Quyết định khác của án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết vụ án đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Minh V đối với các tài sản được rút gồm: Giá trị căn nhà và đất tại lô L6 - 27 Đổng Đa, phường L, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (tức là nhà số 165, đường Đ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang); quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đứng tên bà Đào Xuân Y số: BY645244, được UBND thành phố G cấp ngày 21/4/2015; 01 (một) xe tải hiệu Mitsubishi trọng tải 03 tấn, biển số 68H - 6769 và 01 (một) xe tải 01 xe tải trọng tải 1,2 tấn hiệu Hyundai, biển số 68C.05955; số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) bà Y gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Kiên Giang số tiền 14.900.000.000 đồng (mười bốn tỷ chín trăm triệu đồng) bà Y gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chi nhánh Kiên Giang, số tiền 1.070.000.000 đồng (một tỷ lẻ bảy mươi triệu đồng) bà Y gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Kiên Giang, số tiền 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng) bà Y gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Kiên Giang; về chi phí định giá, về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

Trần Thị Thúy Hồng